

# Cảm nhận của sinh viên về thành phần trực tuyến của khóa học tiếng Anh theo mô hình học tập kết hợp

Nguyễn Thị Thu Hiền\*

\*Khoa Tiếng anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN

Received: 27/03/2023; Accepted: 06/04/2023; Published: 12/5/2023

**Abstract:** This article aims at finding out students' feelings about the online learning component of an English course with the blended learning model. Understanding students' opinions on this issue helps teachers and technicians make certain adjustments to improve the online component of the course. Based on the TAM (Technology Acceptance Model) model, the study used semi-structured interview questions with 20 freshmen, non-English majors who had just participated in this course. Research has shown that most students have a positive perception of online learning; however, the study also points out some limitations of the learning management system (LMS) related to these two skills: speaking and writing.

**Keywords:** Blended learning model, online, semi-structured interview, active, limited

## 1. Đặt vấn đề

Mô hình học tập kết hợp là một mô hình giáo dục hiệu quả đã và đang được áp dụng rộng rãi trong giáo dục đại học trên thế giới. Tuy nhiên, tại Việt Nam, việc áp dụng mô hình này vào giảng dạy vẫn đang ở đoạn ban đầu. Vì vậy, sự kết hợp việc học trực tuyến vào học trực tiếp theo phương pháp truyền thống trong mô hình này còn khá mới mẻ đối với cả giáo viên và sinh viên. Bên cạnh đó, những thiếu sót đối với hệ thống quản lý học tập (LMS) cũng là điều không thể tránh khỏi. Do đó, việc tìm hiểu cảm nhận của sinh viên về thành phần học trực tuyến của khóa học này không chỉ giúp đánh giá độ hài lòng của sinh viên với môi trường học tập mới này, mà còn giúp chỉ ra những hạn chế của thành phần trực tuyến trong khóa học này, từ đó giúp cải thiện chất lượng của khóa học ngày một tốt hơn.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Mô hình học tập kết hợp

Kể từ khi ra đời, “Mô hình học tập kết hợp” đã được gắn với nhiều tên gọi khác nhau, trong đó, một định nghĩa được sử dụng phổ biến đó là “Sự kết hợp giữa việc học trực tiếp theo phương pháp truyền thống và việc học có sự hỗ trợ của công nghệ thông tin” (Graham và cộng sự, 2013, tr.4). Định nghĩa này đã được ủng hộ bởi rất nhiều học giả như là Bliuc, Goodyear và Ellis (2007), Picciano (2013). Tuy nhiên, nó cũng gây nhiều tranh cãi về việc kết hợp liệu có đơn giản là việc học trực tuyến được thêm vào việc học trực tiếp hay cần phải thiết kế lại cả phương pháp giảng dạy (Verkroost và cộng sự, 2008). Chính vì lý do này,

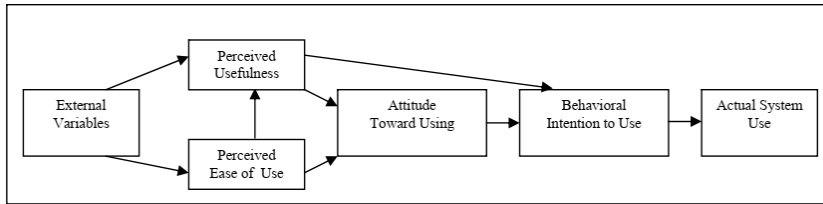
Picciano (2006) đã đưa ra một định nghĩa rõ ràng hơn, nhấn mạnh rằng việc học kết hợp là việc học có chủ đích: “Nó là khóa học kết hợp các hoạt động học trực tiếp và học trực tuyến một cách có kế hoạch, và có phương pháp sư phạm” (tr.97). Nói cách khác, nó là “sự tích hợp hữu cơ của phương pháp học tập trực tiếp và trực tuyến một cách có chọn lọc cẩn thận và bổ sung cho nhau” (Garrison & Vaughan, 2008, tr. 148).

### 2.2. Nhận thức của sinh viên

Theo cách hiểu đơn giản nhất, nhận thức của sinh viên chính là cách chúng ta nhìn nhận và hiểu về một vấn đề nào đó. Theo như Sainn và Ugwuegba (1980), nhận thức chính là “quá trình mà chúng tôi trích xuất thông tin có ý nghĩa từ các kích thích vật lý. Đó là cách chúng ta diễn giải những cảm giác của mình” (tr.90).

Theo Entwistle, McCune và Hounsell (2002), nhận thức của sinh viên về môi trường dạy và học chính là một trong sáu khái niệm quan trọng nhất liên quan đến chất lượng học tập ở trường đại học và là một yếu tố không thể thiếu góp phần quan trọng vào sự thành công trong học tập của sinh viên. Theo Parlier (2016), “Nhận thức đóng một vai trò quan trọng trong thành công của bất kỳ quá trình chuyển đổi, hay đổi mới nào và việc triển khai mô hình học tập kết hợp cũng không phải là ngoại lệ (tr. 43). Đã có rất nhiều nghiên cứu chỉ ra mối quan hệ chặt chẽ giữa nhận thức của sinh viên và kết quả mà họ đạt được từ khóa học. (López-Pérez, Pérez-López & Rodríguez-Ariza, 2011; Owston & Murtha, 2013)

2.3. Mô hình TAM (Technology Acceptance Model)



Mô hình TAM lần đầu tiên được tạo ra bởi Davis (1989), dựa trên lý thuyết về hành động hợp lý (TRA) của Fishbein và Ajzen (1975) trong nghiên cứu tâm lý học. Mô hình này đề xuất rằng tính chất dễ sử dụng và tính hữu ích của công nghệ chính là yếu tố dự đoán thái độ của người dùng đối với công nghệ, cũng như ý định sử dụng công nghệ sau này và việc sử dụng thực tế của họ:

“Cảm nhận về tính hữu ích” (Perceived usefulness) chỉ mức độ mà người dùng tin rằng việc sử dụng công nghệ sẽ cải thiện khả năng của họ trong khi đó cảm nhận về mức độ dễ sử dụng (Perceived ease of use) đề cập đến việc họ cảm nhận việc sử dụng công nghệ sẽ dễ dàng như thế nào. Nghiên cứu này sẽ tìm hiểu nhận thức của sinh viên về hai đặc tính này của thành phần trực tuyến trong khóa học tiếng Anh theo mô hình kết hợp này.

2.3.Nhận thức của sinh viên về tính hữu ích (Perceived usefulness) của hệ thống quản lý học tập (LMS)

Bảng 2.1.: Lợi ích của khóa học kết hợp

TT	Lợi ích của khóa học kết hợp	SD (%)	D (%)	NAD (%)	A (%)	SA (%)	Mean	Mode	Std. Deviation
14	Sự kết hợp của học tập trực tuyến giúp tôi cải thiện việc học tiếng Anh	0.54	6.13	23.42	59.10	10.81	3.74	4	0.75
15	Sự kết hợp học tập trực tuyến và học trực tiếp khiến khả năng tự học của tôi cao hơn.	1.26	6.13	29.37	55.86	7.39	3.62	4	0.76
16	Sự kết hợp học tập trực tuyến và học trực tiếp khiến tôi có động lực học tiếng Anh.	1.98	6.67	34.59	48.65	8.11	3.54	4	0.81
17	Sự kết hợp học tập trực tuyến và học trực tiếp khiến tôi say mê học tiếng Anh.	1.80	7.21	34.59	49.19	7.21	3.53	4	0.80
18	Sự kết hợp học tập trực tuyến và học trực tiếp cho phép tôi tăng khả năng sử dụng công nghệ thông tin.	1.26	9.91	31.89	50.81	6.13	3.51	4	0.80

Bảng trên cho thấy sinh viên đánh giá khá cao về mức độ hữu ích của khóa học kết hợp so với khóa học truyền thống nhờ sự kết hợp phần học trực tuyến. Phần trả lời câu hỏi phỏng vấn của sinh viên giúp làm rõ hơn điều này. Hầu hết sinh viên cho rằng sự kết hợp việc học trực tuyến giúp cải thiện kỹ năng thực hành tiếng của họ, đặc biệt là kỹ năng nghe:

Kỹ năng nghe của tôi đã tiến bộ rất nhiều vì khi nghe trực tuyến, bạn có thể nghe lại nhiều lần. Bạn

không cần phải vội vã như lớp học. Vì vậy, bạn sẽ tiến bộ. (Sinh viên số 14)

Tôi không có nhiều cơ hội để nghe trong lớp. Ngoài ra, trong lớp, tôi không thể tập trung. Khi ở nhà, tôi tập trung hơn. (Sinh viên số 12)

Tuy nhiên, với kỹ năng nói và viết rất nhiều sinh viên phản ánh rằng sự tiến bộ của họ ở hai kỹ năng này chủ yếu nhờ việc học trên lớp bởi vì:

Đối với phần viết và nói, phần trực tuyến chưa thực sự hiệu quả so với lớp học trực tiếp. Vì chúng tôi chỉ được làm các bài tập trực tuyến như sắp xếp câu, điền từ, chúng tôi không thể cải thiện kỹ năng nói và viết của mình nhiều. (Sinh viên số 18)

Sinh viên cũng đề cập đến việc thiếu phản hồi của giáo viên với phần viết và phần nói online của họ:

Trên hệ thống LMS, chúng tôi không có nhiều bài tập viết. Thành thạo, nó có phần viết cho sinh viên, nhưng không có phần phản hồi cho giáo viên, vì vậy chúng tôi không biết mình sai ở đâu. (Sinh viên số 9)

Ngoài ra, hầu hết sinh viên cũng đồng ý rằng việc kết hợp thành phần trực tuyến giúp thúc đẩy khả năng tự học của họ. Phần đông sinh viên cho rằng việc thêm các bài tập online vào lớp học truyền thống tạo điều kiện thuận lợi cho việc tự học:

Với sự kết hợp giữa học online và offline, khi bạn

muốn tự học sẽ dễ dàng hơn. Vì có phần bài tập online nên muốn ôn kỹ năng nào thì bạn chỉ việc vào hệ thống LMS mà ôn. (Sinh viên số 18)

Thêm vào đó, việc cung cấp bài tập online buộc bạn phải chủ động hơn để hoàn

thành bài tập và đáp ứng đúng thời hạn:

Ở nhà, tôi phải làm bài tập trực tuyến... Khả năng tự học của tôi không tốt lắm. Chỉ khi tôi buộc phải làm một cái gì đó, tôi mới bắt đầu làm nó. (Sinh viên số 4)

Đa số sinh viên cũng nhận ra lợi ích của việc sử dụng hệ thống học online trong việc giúp họ cải thiện kỹ năng công nghệ thông tin do họ phải học cách truy cập vào hệ thống để làm bài tập và nộp bài online:

Khóa học này đã giúp tôi rất nhiều trong việc

nâng cao kỹ năng công nghệ thông tin. Tôi đã phải học cách kết nối với các trang web để học. Làm bài tập trực tuyến giúp kỹ năng đánh máy và tìm kiếm thông tin của tôi tốt hơn. (Sinh viên số 12)

Một lợi ích nữa của việc học trực tuyến mà sinh viên chỉ ra đó là sự say mê và động lực học tiếng Anh của họ đã được thúc đẩy nhờ sự kết hợp việc học trực tuyến do sinh viên phải dành nhiều thời gian học tiếng Anh hơn ở cả trên lớp và ở nhà (Sinh viên số 5) hoặc có nhiều hoạt động hơn cả online và offline (Sinh viên 11), và nó khiến họ phải nỗ lực nhiều hơn (Sinh viên 17).

Tóm lại, kết quả từ cả câu hỏi điều tra và câu hỏi phỏng vấn đều khẳng định rằng sinh viên đánh giá rất cao tính hữu ích của hệ thống học online trong mô hình học tập kết hợp không chỉ trong việc cải thiện kỹ năng mà còn tăng các kỹ năng tự học, kỹ năng công nghệ thông tin, và sự say mê cũng như động lực học tập của họ.

### 3. Kết luận

Nghiên cứu này, dựa vào việc phân tích dữ liệu cả định lượng và định tính từ câu hỏi điều tra và câu hỏi phỏng vấn đã chỉ ra nhận thức khá tích cực của hầu hết sinh viên về thành phần học trực tuyến của khóa học tiếng Anh theo mô hình học tập kết hợp. Sinh viên không chỉ đánh giá cao về tính chất dễ sử dụng của hệ thống quản lý học tập trực tuyến LMS mà còn rất hài lòng với mức độ hữu ích của hệ thống này. Họ cho rằng hệ thống giúp họ cải thiện kỹ năng thực hành tiếng, đặc biệt là kỹ năng nghe. Đồng thời nó cũng thúc đẩy khả năng tự học, cải thiện kỹ năng công nghệ thông tin. Đặc biệt hơn cả, nó giúp sinh viên say mê và có động lực học tiếng Anh hơn. Tuy nhiên, sinh viên cũng đề xuất một số thay đổi về thiết kế của một số bài tập online cho kỹ năng đọc và viết. Họ cũng chưa thực sự hài lòng với nội dung của các bài tập online thuộc kỹ năng nghe và nói trong việc cải thiện kỹ năng của họ do thiếu các bài tập mang tính thực tế. Đồng thời, một số bài tập online thiếu phần phản hồi của giáo viên để giúp họ cải thiện các lỗi của mình. Từ việc chỉ ra các hạn chế này, nghiên cứu này có một số đề xuất như sau: cơ sở đào tạo cần tổ chức một số khóa đào tạo cho cả giáo viên, nhân viên kỹ thuật và cán bộ quản lý chương trình để họ hiểu đầy đủ về tiềm năng của mô hình học tập kết hợp và biết cách thiết kế hệ thống LMS nhằm mục đích khai thác hết các tiềm năng này. Đồng thời, cơ sở đào tạo cũng nên tiến hành thường xuyên và định kỳ việc khảo sát lấy ý kiến của giáo viên, sinh viên,

và các bên liên quan về việc áp dụng mô hình học tập kết hợp, từ đó có những điều chỉnh kịp thời cho khóa học.

### Tài liệu tham khảo

1. Bliuc, A. M., Goodyear, P., & Ellis, R. A. (2007). Research focus and methodological choices in studies into students' experiences of blended learning in higher education. *The Internet and Higher Education, 10*(4), 231-244.
2. Davis, F.D. (1989). Perceived usefulness, perceived ease of use and user acceptance of information technology. *MIS Quarterly, 13*(3), 319-339.
3. Entwistle, N., McCune, V., & Hounsell, J. (2002). Approaches to studying and perceptions of university teaching-learning environments: Concepts, measures and preliminary findings. *Enhancing teaching and learning environments in undergraduate courses occasional report, 1*, 1-19.
4. Fishbein, M. & Ajzen, I. (1975), *Belief, attitude, intention and behavior: an introduction to theory and research*. Reading, MA: Addison-Wesley
5. Verkroost, M. J., Meijerink, L., Lintsen, H., & Veen, W. (2008). Finding a balance in dimensions of blended learning. *International Journal on E-learning, 7*(3), 499-522.
6. Fishbein, M. & Ajzen, I. (1975), *Belief, attitude, intention and behavior: an introduction to theory and research*. Reading, MA: Addison-Wesley
7. Garrison, D. R. & Vaughan, N. D. (2008). *Blended learning in higher education: Framework, principles, and guidelines*. San Francisco: Jossey-Bass.
8. Graham, C. R., Henrie, C. R., & Gibbons, A. S. (2013). Developing models and theory for blended learning research. *Blended learning: Research perspectives, 2*, 13-33.
9. López-Pérez, M. V., Pérez-López, M. C., & Rodríguez-Ariza, L. (2011). Blended learning in higher education: Students' perceptions and their relation to outcomes. *Computers & education, 56*(3), 818-826.
10. Owston, R., York, D., & Murtha, S. (2013). Student perceptions and achievement in a university blended learning strategic initiative. *The internet and higher education, 18*, 38-46.
11. Parlier, T. M. (2016). *Blended learning: Perspectives from first time high school instructors*. Liberty University.